

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP
Bản án số: 163/2025/DS-ST
Ngày 16-9-2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST- DS, ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã Đ, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn:

Chị **Trần Thị Kim X**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

(Có mặt anh P, vắng mặt chị X)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị G trình bày:

Bà Trần Thị G có cho chị Trần Thị Kim X vay số tiền 750.000.000 đồng, chị X có viết biên nhận ngày 15/9/2025, cụ thể: Ngày 12/9/2023, chị X có vay của bà G số

tiền 400.000.000 đồng; Ngày 15/9/2025, chị X có vay của bà G số tiền 350.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, chị X đóng lãi đến tháng 03/2024 thì ngưng.

Ngày 06/02/2024, bà G cho chị X vay số tiền 2.000.000.000 đồng, chị X có viết biên nhận ngày 06/02/2024. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là khoảng 03 tháng, chị X đóng lãi đến tháng 03/2024 thì ngưng.

Nay bà G yêu cầu chị X trả cho bà G số tiền vay còn nợ là 2.750.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 6/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

* Bị đơn chị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa:

Anh P trình bày: Chị X là cháu dâu của bà G nên bà G có cho chị X vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Chị X có viết biên nhận ngày 15/9/2025, cụ thể: Ngày 12/9/2023, chị X có vay của bà G số tiền 400.000.000 đồng; Ngày 15/9/2025, chị X có vay của bà G số tiền 350.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, chị X đóng lãi đến tháng 03/2024 thì ngưng, bà G không nhớ chị X đã trả bao nhiêu tiền lãi. Ngày 06/02/2024, bà G cho chị X vay số tiền 2.000.000.000 đồng, chị X có viết biên nhận ngày 06/02/2024. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là đáo hạn ngân hàng X1 sẽ trả lại bà G, chị X đóng lãi đến tháng 03/2024 thì ngưng, bà G không nhớ chị X đã trả bao nhiêu tiền lãi. Nay bà G yêu cầu chị X trả cho bà G số tiền vay còn nợ là 2.750.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 4/2024 đến ngày 16/9/2025. Bà G yêu cầu chị X trả cho bà G số tiền vốn vay còn nợ là 2.750.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 4/2024 đến ngày 16/9/2025 làm tròn là 17 tháng đối với số tiền 750.000.000 đồng là 105.825.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, tổng cộng là 2.855.825.000 đồng

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị X vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị X theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền vốn*:

Xét giấy mượn tiền ngày 15/9/2025 và 06/02/2024, thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay, bên vay tài sản là bà G và chị X, chị X còn nợ bà G số tiền 2.750.000.000 đồng, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Biên nhận thể hiện thời hạn vay là 01 tháng đối với số tiền 750.000.000 đồng, bà G trình bày chị X vay số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng đến nay chị X vẫn không thực hiện việc trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì chị X phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền còn nợ hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà G. Tuy nhiên, chị X không cung cấp được chứng cứ về số tiền còn nợ, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên nhận ngày 15/9/2023 và biên nhận ngày 06/02/2024 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G là yêu cầu chị X trả cho bà số tiền vốn vay là 2.750.000.000 đồng.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi*:

Biên nhận ngày 15/9/2023 thể hiện thời hạn vay là 01 tháng, bà G trình bày chị X đóng lãi đến tháng 03/2024 thì ngưng. Bà G yêu cầu chị X trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 750.000.000 đồng từ tháng 4/2024 đến ngày 16/9/2025 (làm tròn là 17 tháng) là có căn cứ theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiền lãi là:

$$750.000.000 \times 17 \times 0,83\% = 105.825.000 \text{ đồng.}$$

[3] Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; 463; 466; 468; 469 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

Buộc bà Trần Thị Kim X có nghĩa vụ trả cho anh bà Trần Thị G số tiền vốn vay còn nợ là 2.750.000.000 đồng và tiền lãi là 105.825.000 đồng, tổng cộng là 2.855.825.000 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị X phải chịu 89.117.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni